

Thoáng qua một bước đi CỦA NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH XỨ THANH (thế kỷ XV - XVIII)

NGUYỄN BÍCH THỤC*

Vấn đề bản sắc văn hoá của mỗi Quốc gia, dân tộc được đặc biệt quan tâm vào những năm 80 của thế kỷ XX, do có những tác động sâu sắc của xu hướng nhất thể nền kinh tế toàn cầu. Người ta hối tiếc cho những nền văn minh đã bị lãng quên trong lịch sử. Nhưng quan trọng hơn là sự cảnh báo về mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế thế giới, kéo theo sự đơn điệu về văn hoá. Đó là việc các quốc gia nghèo, các tộc người thiểu số, vì lệ thuộc kinh tế mà dễ phải "hy sinh" bản sắc văn hoá của mình.

Có thể nói, những cơ sở hình thành các giá trị của "bản sắc văn hoá" ở mỗi vùng, miền, mỗi dân tộc, đều mang tính biện chứng lịch sử nhất định. Trong đó yếu tố không gian sinh tồn văn hoá là đặc biệt quan trọng. Nếu nghiên cứu về bản sắc văn hoá của các dân tộc Đông Nam Á (với nghĩa rộng là quốc gia) thì chúng ta thấy rất rõ có 3 mốc không gian lịch sử quan trọng trước và sau công nguyên là: TK5 TCN- 3 SCN, từ TK6- TK10, từ TK14- TK16. Đây là thời kỳ hình thành của các nền

văn hoá Đông Sơn, Óc - Eo, Chân Lạp, Phù Nam, Chiêm Thành, Ăng Kor... Trong đó cơ tầng văn hoá bản địa đã rõ nét và những tiếp xúc văn hoá Ấn - Hoa đã từng bước ổn định, tiếp xúc văn hoá phương Tây chỉ ở giai đoạn bắt đầu. Đó là những giá trị văn hoá có tính khởi đầu, như những "gen văn hoá" đặc biệt, được di truyền qua nhiều thế hệ mới có thể có được.

Chính vì không gian sinh tồn văn hoá mà các hình thức biểu đạt của nhiều loại hình văn hóa cũng hàm chứa nhiều giá trị khác biệt. Mặc dù cùng chịu ảnh hưởng của dòng truyền bá Phật giáo tiểu thừa, nhưng có thể nhận thấy Phật giáo ở Thái Lan khác ở Campuchia, Lào, khu vực Nam bộ của Việt Nam. Rồi đến các biểu tượng tạo hình của Bàlamôn giáo ở Chăm (Việt Nam) khác rất nhiều so với Bàlamôn giáo ở Campuchia trong diễn đạt hình khối, cấu trúc và những đặc điểm về nhân chủng học.

Các nhà văn hóa học, nghệ thuật học nước ta cũng đề cập nhiều đến lĩnh vực này trong không gian hẹp của văn hoá Việt Nam. Những nghiên cứu về bản sắc văn hoá các

* TRƯỜNG CAO ĐẲNG
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THANH HÓA

dân tộc thiểu số Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên... hoặc những nghiên cứu về đặc trưng các loại hình nghệ thuật dân ca, phong tục, ngôn ngữ, mỹ thuật dân gian của các cộng đồng ở châu thổ sông Hồng, sông Mã, đồng bằng sông Cửu Long... đã cho thấy những phát hiện khoa học về các yếu tố tương đồng và dị biệt về "văn hoá vùng" của Việt Nam.

Với cách đặt vấn đề trên, chúng tôi đưa ra một số đánh giá có tính thực nghiệm của loại hình Di sản văn hoá vật thể ở Thanh Hoá, thông qua phương pháp tiếp cận "văn hoá vùng". Theo chúng tôi, khi bàn đến các yếu tố "văn hoá vùng" là nói đến những giá trị khu biệt có tính tương đối, một không gian văn hoá đặc biệt, nhờ đó các giá trị văn hoá có tính "khởi nguyên" được bảo lưu, nuôi dưỡng, phát triển. Như vậy, không phải tỉnh/địa phương nào cũng có thể tự cho mình có một vùng văn hoá đặc trưng. Ví như, các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng thường có nhiều giá trị về mẫu số chung trong văn hoá, bởi không gian sinh tồn, không gian địa - văn hoá - lịch sử khá đồng dạng. Trong khi đó, tỉnh Thanh Hoá với những hình thái địa - văn hoá - lịch sử khá đặc trưng bởi tính tương đối độc lập của nó. Nếu xem con sông Mã là trục văn hoá Đông - Tây, chuyển tải các giá trị văn hoá biển - lục địa, thì con đường thiên lý Bắc - Nam là trục giao thương, giao lưu nội địa. Cũng như trên toàn quốc, tính hướng nội ở vùng đất này nhiều hơn hướng ngoại, bởi các căn nguyên nông nghiệp của nó. Thời văn minh Đông Sơn, nơi đây đã là một trung tâm kinh tế, văn hoá, giai đoạn chiến tranh Nam - Bắc triều lại là đất đóng đô của nhà Lê Trung Hưng, trong thời chiến tranh Trịnh - Nguyễn là một vùng đất thang mộc. Những yếu tố đó khiến cho Thanh Hoá, hơn nơi nào hết, là một tâm điểm bảo lưu nhiều giá trị tư tưởng, văn hoá của dân tộc. Trong đó, yếu tố Nho giáo khá nổi, được thể hiện khá rõ trong các loại hình văn hoá vật thể, nhiều khi nổi lên ở nhiều thời điểm, nhiều vị trí, như một hình thái "cực đoan", thậm chí có phần đơn điệu về hình thức diễn cảm.

Hình tượng con người phản ánh trong điêu khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa như biểu hiện ở chùa Hoa Long, đền thờ Trần Khát Chân (Vĩnh Thịnh, Vĩnh Lộc) và đình Bảng Môn (Hoàng Lộc, Hoàng Hóa)... Đó là các hình người rất ít thấy trong nghệ thuật chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hoá. Duy nhất ở bức cửa chùa Hoa Long xuất hiện 3 nhóm hình người có tỷ lệ rất khiêm tốn (cao xấp xỉ 10cm), đó là hình ảnh người dân quê mặc đang chơi đùa, bế con, đánh vật, uống rượu. Các hình người quản tượng, giám mã, hổ ở đền Trần Khát Chân và đình Bảng Môn... là những hình điêu khắc người cũng bé nhỏ, khiêm tốn, hòa lẫn trong hoa lá, được đẩy lên đến đỉnh cao của giá trị biểu đạt về ý nghĩa linh thiêng, kèm theo là những linh vật xuất hiện khá nhiều trong các di tích ở Thanh Hóa. Chúng như đại diện cho đất - trời, vạn vật, thánh thần trong không gian, trong tâm thức, gắn với môi trường sống, nuôi dưỡng con người. Hình tượng người chỉ có ở thế kỷ XVII, từ thế kỷ XVIII trở đi rất hiếm thấy trên kiến trúc gỗ ở xứ Thanh.

Các hình tượng người khác, chủ yếu là các thần linh. Một hình tiên nữ có kích thước lớn nhất (cao 35cm) đứng trên tòa sen, hai tay giang rộng, nâng ngang cánh phượng, đặt trên xà lòng của gian giữa ở chùa Hoa Long. Một tiên nữ khác, cưỡi rồng đặt trong góc "Khu đĩ" hậu cung đền Trần Khát Chân. Tại đình Bảng Môn, bức chạm hình tiên nữ có thân hình đuôi cá, cưỡi rồng hình yên ngựa, ở bức diềm trên xà ngang của hậu cung, dáng thướt tha, như một vũ công.

Tuy nhiên, những di vật chạm khắc gỗ hiện còn ở chùa Hoa Long, đền Trần Khát Chân, đình Bảng Môn ở Thanh Hoá, cho phép chúng ta nghĩ đến một mối liên hệ mạnh mẽ trong văn hoá chung của dân tộc trên đất xứ Thanh, chúng được thể hiện một cách rõ nét, nhưng thật hiếm hoi.

Nghệ thuật chạm khắc gỗ ở đình làng xứ Thanh không có nội dung chạm khắc trữ tình như các đình làng Bắc bộ. Các hình chạm khắc ở các đình Chu Quyến, Thổ Tang, Đình

Bảng, Đình Diêm, Tây Đằng, Phù Lỗ... thuộc các tỉnh Hà Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên... cho thấy cả một xã hội nông thôn Việt tung bừng trong những hoạt cảnh: Trai gái gheo nhau, sinh hoạt hội hè, dạy học, vui chơi... cho đến cả những việc rước sách, vinh quy... Đó là một không gian văn hoá yên bình có được từ thời Mạc. Một không gian làng xã có tính "ngưng đọng", tính tự trị cao của vùng Bắc bộ ở TK XVII - XVIII, nhờ đó mà mặt nào có được những sáng tạo tùy hứng trên kiến trúc đình làng. Cũng chính vì vậy mà đình làng so với kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng khác như chùa, đền, ít bị ràng buộc chặt chẽ bởi các quy định về khuôn mẫu biểu tượng trang trí.

Trong khi đó, đình làng ở Thanh Hóa, cũng là một thiết chế thế tục, nhưng có lẽ do sự hiện diện của quyền lực Nho giáo qua tầng lớp trên đã khá mạnh, nên những ràng buộc có vẻ chặt chẽ hơn, biểu hiện rõ nét trong đề tài chạm khắc trên kiến trúc. Trang trí chủ yếu với các hình tượng, biểu tượng thiêng liêng, cho dù có nhiều biến thể, hoa mỹ hay thêm thắt, biến điệu của các loại hình tượng rồng, lân, chim phượng..., những linh vật cao quý của tầng trên. Nhưng mặc nhiên, rất ít cảnh sinh hoạt dân dã, hội hè, sinh hoạt phóng túng chốn thôn quê.

Thông qua "ngôn ngữ" biểu hiện của chạm khắc gỗ mà chúng ta như thấy được sự giao thoa giữa Nho, Phật, Lão một cách khá sâu sắc vào những thế kỷ XVII - XIX. Cụ thể là trong văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian Thanh Hoá từ thế kỷ XVII đã có hiện tượng Nội Đạo Tràn ở An Đông (Quảng Xương), đó cũng có thể xem như một sự "va đập" của thế lực tinh thần của Bắc triều và Nam triều (thông qua tín ngưỡng Mẫu Liễu Hạnh, đại diện cho kinh tế thương mại ở phía Bắc và "Tiền Quân Thánh", đại diện cho Nam triều gắn nhiều với nông nghiệp).

Nhìn chung, đặc trưng trong kiến trúc đình làng xứ Thanh như: tính khoáng đạt về không gian, tính chắc chắn về cấu trúc, tính giản dị và bình dân về nội thất, tính nghiêm chặt về khắc họa trang trí có thể chịu ảnh hưởng theo

Nguyễn Bích Thực: *Thoáng qua một bước đi...*

tinh thần Nho giáo, đều có những sự nhất quán.

Một loại hình nghệ thuật khác chúng tôi đưa ra đối chứng, là Nghệ thuật chạm khắc đá ở Thanh Hoá (thế kỷ XV - XIX). Loại hình này thường gắn liền với các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Ngoài một số lăng mộ các vua Lê sơ ở Lam Kinh (thế kỷ XV), lăng mộ các chúa Trịnh ở Bái Lăng, Đa Bút, Trịnh Điện, lăng Quận Đàng, Quận Mãn... thì phần lớn các công trình lăng mộ, bia ký đều nằm rải rác trong các làng xã, do vậy, nghệ thuật chạm khắc đá cũng phần nào phản ánh sâu sắc các yếu tố văn hoá, lịch sử của xã hội đương thời và đậm đà chất dân tộc.

Mặt khác, do đặc điểm kinh tế và tư duy thẩm mỹ, điều kiện kỹ thuật khai thác đá thủ công đương thời mà nghệ thuật chạm khắc đá Thanh Hoá có những sắc thái riêng. Nhiều tượng người ở thế kỷ XV - XVIII được tạc dựa vào khối đá áp lưng nên còn mang tính phù điêu, đặc biệt khối tay thường tạc như phù điêu (tượng Lam Kinh và Đa Bút). Tượng linh thú chỉ có ở Lam Kinh là được đục tách phần chân ra khỏi phần bệ. Do đặc điểm lịch sử mà các tượng châu ở Thanh Hoá phần lớn là hàng quan võ, còn các tượng châu ở các lăng tại Bắc bộ (lăng họ Ngô ở Bắc Ninh, lăng Dinh Hương ở Bắc Giang, Lại Yên - Hà Tây...) đều là quan văn.

Những đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ, chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hoá, chính là những giá trị tạo nên tính độc đáo của văn hoá địa phương, với những biểu hiện bề mặt ngoại hình của chúng thường là những tín hiệu biểu đạt các giá trị nội hàm có tính triết lý sâu xa của người đương thời.

Không gian sinh tồn văn hoá là môi trường khai sinh, hình thành và nuôi dưỡng các giá trị văn hoá truyền thống. Do vậy, khi nghiên cứu di sản văn hoá vật thể, không thể tách rời việc nghiên cứu nghệ thuật với nghiên cứu không gian địa - lịch sử - xã hội học, một môi trường sinh tồn văn hoá, cơ sở hình thành và bảo lưu các sắc thái văn hoá ở mỗi địa phương./

N.B.T